

Bản án số: 202/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L; nơi thường trú: Thôn F, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: P, T, 235, D-ro, A-si, G-do, Hàn Quốc; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật D; nơi thường trú: Thôn F, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: 102 B-dong, 21, Taesa 2-gil, A-si, G-do, Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 19/3/2010. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế và nuôi dạy con cái. Tuy cùng nhau chung sống nhưng vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã nhiều lần cùng nhau nói chuyện nhưng không giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2020, hai vợ chồng cùng sang Hàn Quốc lao động, nhưng mỗi người có một công việc riêng, không cùng nhau chung sống. Do vậy vợ chồng ngày càng trở nên xa cách, tình cảm phai nhạt, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải mâu thuẫn giữa anh D và chị L nhưng không đạt kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Nhật D.

Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Mai A1, sinh ngày 23/01/2011, cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 26/5/2012 và cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 07/9/2015. Ly hôn, chị L yêu cầu giao ba con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L và anh D tự thỏa thuận, không yêu Tòa án cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), anh Nguyễn Nhật D trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Nhật D và chị Lê Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 19/3/2010. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế và nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh D1 và chị L đã nhiều lần cùng nhau nói chuyện nhưng không giải quyết được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2020, hai vợ chồng cùng sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc. Tuy cùng ở Hàn Quốc nhưng hai vợ chồng mỗi người có một công việc riêng, không chung sống cùng nhau. Do vợ chồng xa cách, mỗi người có cuộc sống riêng nên tình cảm dần phai nhạt, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D1 đồng ý ly hôn với chị Lê Thị L, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh Nguyễn Nhật D và Chị Lê Thị L có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Mai A1, sinh ngày 23/01/2011, cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 26/5/2012 và cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 07/9/2015. Ly hôn, anh D và chị L thống nhất giao ba con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D1 và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Nhật D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Nhật D nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Nguyên đơn là chị Lê Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Nhật D hiện đang sinh sống ở Hàn Quốc và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 19/3/2010. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn, nhận thấy: Quá trình chung sống, chị L và anh D phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đến nay anh chị đã ly thân một thời gian dài và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn với anh D, anh D đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau. Nhận thấy, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Nguyễn Nhật D.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Mai A1, sinh ngày 23/01/2011, cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh

ngày 26/5/2012 và cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 07/9/2015. Anh chị cùng thống nhất khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao ba con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Các con chung cùng có nguyện vọng muốn được ở với chị L trong trường hợp chị L và anh D ly hôn. Xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị L, anh D là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của các con chung nên cần được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Nhật D.

1.2. Về con chung: Giao ba con chung là cháu Nguyễn Thị Mai A1, sinh ngày 23/01/2011, cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 26/5/2012 và cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 07/9/2015 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D về việc tạm thời không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000505 ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Nguyễn Nhật D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Phạm Văn Phích

